

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|-------------|
| 1. Báo cáo của Ban Giám đốc | [2] - [4] |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | [5] - [6] |
| 3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | |
| - Bảng cân đối kế toán | [7] - [8] |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | [9] |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | [10] |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | [11] - [35] |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009. Ngày 20 tháng 07 năm 2017 Công ty đã được sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam và chuyển trụ sở Công ty từ phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam về địa chỉ TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|------------------------|--|
| - Ông Trần Quang Huy | Chủ tịch HĐQT (<i>Miễn nhiệm kể từ ngày 30/05/2017</i>) (i) Thành viên (<i>Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2017</i>) |
| - Ông Lại Xuân Hường | Chủ tịch HĐQT (<i>Bổ nhiệm kể từ ngày 30/05/2017</i>) (i) |
| - Ông Lã Văn Châm | Thành viên (<i>Miễn nhiệm kể từ ngày 28/05/2017</i>) (ii) |
| - Bà Lại Thị Thùy | Thành viên (<i>Bổ nhiệm kể từ ngày 28/05/2017</i>) (ii) |
| - Ông Nguyễn Ngọc Vinh | Thành viên |
| - Ông Phạm Trung Hiếu | Thành viên (<i>Miễn nhiệm kể từ ngày 21/04/2017</i>) (iii) |
| - Ông Lại Xuân Hường | Thành viên (<i>Bổ nhiệm kể từ ngày 21/04/2017</i>) (iii) |
| - Ông Đỗ Văn Luyện | Thành viên |

Các Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên :</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-------------------------|----------------------|
| - Ông Bùi Nguyên Dương | Trưởng ban kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Thành Việt | Thành viên |
| - Ông Đỗ Việt Anh | Thành viên |

Các Thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|----------------------|--|
| - Ông Trần Quang Huy | Giám đốc (<i>Miễn nhiệm kể từ ngày 30/05/2017</i>) (i) |
| - Ông Lại Xuân Hường | Giám đốc (<i>Bổ nhiệm kể từ ngày 30/05/2017</i>) (i) |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 05 năm 2017 về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT kiêm người đại diện theo pháp luật.

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 05 năm 2017 về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Thành viên HĐQT.

(iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2017/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 04 năm 2017 về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Thành viên HĐQT.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



Lại Xuân Hường

Số: 40/2018/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam




Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2018-242-1


Trần Thị Yến Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0926-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017**Mẫu số B 01 – DN**
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Cuối năm | Đầu năm |
|---|--------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 29.589.470.790 | 61.681.007.466 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 5.489.397.499 | 5.645.923.189 |
| 1. Tiền | 111 | | 5.489.397.499 | 5.645.923.189 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 9.382.630.002 | 28.484.537.008 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 3.862.824.615 | 12.898.440.029 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 5.980.960.940 | 4.610.388.042 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.7 | - | 12.000.000.000 |
| 4. Các khoản phải thu khác | 136 | 5.4 | 1.117.422 | 442.600.000 |
| 5. Dự phòng phải thu khó đòi (*) | 137 | 5.6 | (462.272.975) | (1.466.891.063) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.8 | 14.622.251.984 | 27.357.924.338 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 14.622.251.984 | 27.357.924.338 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 95.191.305 | 192.622.931 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.9 | 7.620.454 | 22.062.878 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 87.570.851 | 159.538.503 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 11.021.550 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 51.985.737.624 | 25.673.701.616 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 448.042.000 | 330.922.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.4 | 448.042.000 | 330.922.000 |
| 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 8.522.329.449 | 13.842.779.616 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.14 | 3.859.047.889 | 9.614.896.587 |
| - Nguyên giá | 222 | | 6.789.979.999 | 14.393.110.908 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.930.932.110) | (4.778.214.321) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 5.15 | 4.663.281.560 | 4.227.883.029 |
| - Nguyên giá | 225 | | 6.079.888.363 | 4.378.899.999 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (1.416.606.803) | (151.016.970) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.5 | 43.015.366.175 | 11.500.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 30.960.000.000 | - |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 12.090.000.000 | 11.500.000.000 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | (34.633.825) | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 81.575.208.414 | 87.354.709.082 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 – DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

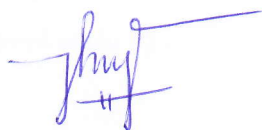
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Cuối năm | Đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 6.737.553.083 | 13.403.440.551 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.963.002.086 | 9.832.585.853 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.10 | 1.928.370.090 | 6.475.055.829 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.11 | 493.301.000 | 2.806.947.470 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.12 | 351.290.996 | 227.698.805 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.13 | 80.000.000 | 40.000.000 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.16 | 110.040.000 | 282.883.749 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 3.774.550.997 | 3.570.854.698 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.16 | 3.774.550.997 | 3.570.854.698 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 74.837.655.331 | 73.951.268.531 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.17 | 74.837.655.331 | 73.951.268.531 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 71.000.000.000 | 71.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 71.000.000.000 | 71.000.000.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | | 3.837.655.331 | 2.951.268.531 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 2.951.268.531 | 2.192.473.312 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 886.386.800 | 758.795.219 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 81.575.208.414 | 87.354.709.082 |

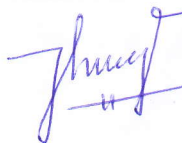
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập



Lại Thị Thùy

Kế toán trưởng



- Lại Thị Thùy

Giám đốc



Lại Xuân Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

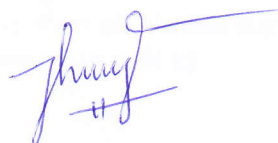
Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 40.134.637.689 | 74.881.322.779 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.2 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 40.134.637.689 | 74.881.322.779 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.3 | 38.378.262.080 | 65.500.444.287 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 1.756.375.609 | 9.380.878.492 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.4 | 238.772.388 | 444.553.761 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.5 | 427.758.927 | 275.327.567 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 427.758.927 | 1.631.017.174 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 6.8 | 297.680.637 | 3.669.110.514 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.8 | (24.473.570) | 3.639.823.233 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 1.294.182.003 | 2.241.170.939 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | - | 1.212.029 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.7 | 56.504.207 | 1.255.888.944 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (56.504.207) | (1.254.676.915) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 1.237.677.796 | 986.494.024 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.10 | 351.290.996 | 227.698.805 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 886.386.800 | 758.795.219 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | 6.11 | 125 | 111 |

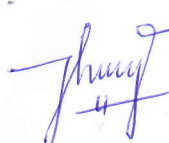
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập



Lại Thị Thùy

Kế toán trưởng



Lại Thị Thùy

Giám đốc



Lại Xuân Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 51.516.095.497 | 123.682.411.083 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (49.565.619.571) | (94.389.064.702) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (1.000.642.812) | (2.002.852.648) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (418.673.102) | (1.610.787.146) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | (261.795.242) | (1.087.032.331) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 20.372.894.745 | 7.737.527.218 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (14.604.652.688) | (6.666.186.752) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 6.037.606.827 | 25.664.014.722 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (991.869.091) | (2.991.088.182) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | | (46.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 12.000.000.000 | 40.300.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (24.600.000.000) | (17.000.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 9.000.000.000 | 23.000.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 4.972.388 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (4.586.896.703) | (2.691.088.182) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 550.000.000 | 19.316.000.000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (629.599.205) | (41.164.464.674) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | (1.527.636.609) | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (1.607.235.814) | (21.848.464.674) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (156.525.690) | 1.124.461.866 |
| | 60 | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 5.645.923.189 | 4.521.461.323 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 5.489.397.499 | 5.645.923.189 |

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

Lại Thị Thùy

Kế toán trưởng

Lại Thị Thùy

Giám đốc



Lại Xuân Hương

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009. Ngày 20 tháng 07 năm 2017 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam và chuyển trụ sở Công ty từ phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam về địa chỉ TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. *Chi tiết: Xây dựng công trình, hạng mục công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống;*
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi...);*
- Mua bán trang trí nội thất;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đại lý môi giới đầu giá. *Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;*
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. *Chi tiết: Buôn bán sắt thép;*
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan;*
- Mua bán và chế biến than các loại;
- Khai thác than đá, cát, sỏi, đất sét;

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có văn phòng chính đặt tại TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm 2017

Mẫu số B09 - DN

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

| | |
|-------------------------------|-------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 15 năm |
| Máy móc thiết bị | 03 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 năm |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 05 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Năm 2017

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm 2017

Mẫu số B09 - DN

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.7.

4.19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 2.728.710.604 | 1.322.755.785 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.760.686.895 | 4.323.167.404 |
| Cộng | 5.489.397.499 | 5.645.923.189 |

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| a) Phải thu khách hàng ngắn hạn | 3.862.824.615 | 12.898.440.029 |
| - Công ty Cổ Phần Xây dựng số 1 Long Thành | 1.540.909.916 | 1.540.909.916 |
| - Công ty Cổ phần Vận tải Dịch vụ Đường Sông Sơn La | - | 1.531.326.000 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hamico | 2.321.914.699 | - |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | - | 9.826.204.113 |
| b) Phải thu khách hàng dài hạn | | |
| c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | - | 664.748.000 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP | - | 664.748.000 |

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| a) Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5.980.960.940 | 4.610.388.042 |
| - Công ty Cổ phần TMVLXD Hamico | - | 2.196.074.999 |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Hồng Phát | - | 1.072.149.405 |
| - Công ty TNHH TM và DV Hiền Hải | - | 739.000.000 |
| - Công ty CP TM Thành Nam | - | 60.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP | 4.749.125.500 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt | 1.187.835.440 | - |
| - Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác | 44.000.000 | 3.163.638 |
| b) Trả trước cho người bán dài hạn | | |
| c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan | 5.936.960.940 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP | 4.749.125.500 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt | 1.187.835.440 | - |

5.4 . PHẢI THU KHÁC

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|--|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | 1.117.422 | - | 442.600.000 | - |
| - Phải trả, phải nộp khác | 1.117.422 | - | - | - |
| - Phải thu khác | - | - | 442.600.000 | - |
| + Phải thu về lãi cho vay | - | - | 442.600.000 | - |
| + Các đối tượng khác | - | - | - | - |
| b) Dài hạn | 448.042.000 | - | 330.922.000 | - |
| - Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 448.042.000 | - | 330.922.000 | - |
| c) Phải thu khác là các bên liên quan | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

| | Cuối năm | | Đầu năm | | Giá trị hợp lý (*) |
|--|----------------|--------------|----------------|----------|--------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | |
| c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 74.010.000.000 | (34.633.825) | 18.500.000.000 | - | (*) |
| - Đầu tư vào Công ty con | - | - | - | - | - |
| - Đầu tư vào công ty liên kết | 30.960.000.000 | - | 7.000.000.000 | - | (*) |
| + Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt - tỷ lệ sở hữu 46,9% | 30.960.000.000 | - | 7.000.000.000 | - | (*) |
| - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 12.090.000.000 | (34.633.825) | 4.500.000.000 | - | (*) |
| + Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HP | - | - | 4.500.000.000 | - | (*) |
| + Công ty CP Chế biến Lâm Sản THT - tỷ lệ sở hữu 18,42% | 5.500.000.000 | (34.633.825) | - | - | - |
| + Công ty CP Tư vấn Xây dựng Quản lý Môi trường Đô thị Kỳ Anh - tỷ lệ sở hữu 9,41% | 6.590.000.000 | - | - | - | - |

- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt hoạt động trong lĩnh vực sản xuất xi măng, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

- Các giao dịch của yếu tố của Công ty với các công ty liên kết trong năm:

+ Các giao dịch chủ yếu của các Công ty liên kết với Công ty là bán hàng hóa trong năm.

(*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài Chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.6 . NỢ XẤU

Đơn vị : VND

| | Cuối năm | | Đầu năm | | Dự phòng |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn | | | | | |
| - Công ty CP Kiến trúc và XNK AZ Việt Nam | - | - | 858.678.731 | 601.075.112 | 257.603.619 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Việt | - | - | 502.497.655 | 351.748.359 | 150.749.296 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Quận Phương | - | - | 578.723.401 | 405.106.381 | 173.617.020 |
| - Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Đầu tư Xây dựng Quyết Thắng | - | - | 1.013.593.500 | 709.515.450 | 304.078.050 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 | - | - | 833.814.981 | 583.670.487 | 250.144.494 |
| - Công ty Cổ Phần Xây dựng số 1 Long Thành | 1.540.909.916 | 1.078.636.941 | - | - | - |
| - Các đối tượng khác | | | 1.102.328.608 | 771.630.024 | 330.698.584 |
| Cộng | 1.540.909.916 | 1.078.636.941 | 4.889.636.876 | 3.422.745.813 | 1.466.891.063 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

5.7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|-------------|----------|----------|----------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | - | - | 12.000.000.000 | - |
| + Cho vay | - | - | 12.000.000.000 | - |
| b) Dài hạn | - | - | - | - |

5.8 . HÀNG TỒN KHO

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Chi phí SXKD dở dang | 9.301.638.409 | - | - | - |
| Hàng hóa | 5.320.613.575 | - | 27.357.924.338 | - |
| Cộng | 14.622.251.984 | - | 27.357.924.338 | - |

5.9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Cuối năm | Đầu năm |
|-------------------------------------|------------------|-------------------|
| a) Ngắn hạn | 7.620.454 | 22.062.878 |
| - Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng | 7.620.454 | 22.062.878 |
| b) Dài hạn | - | - |
| Cộng | 7.620.454 | 22.062.878 |

5.10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 1.928.370.090 | 1.928.370.090 | 6.475.055.829 | 6.475.055.829 |
| - Công ty CPĐT TM Đại Nam Việt | - | - | 1.195.795.000 | 1.195.795.000 |
| - Công ty CP VLXD TM và DL KTC | - | - | 1.122.000.000 | 1.122.000.000 |
| - Công ty TNHH TM Nguyễn Khang | - | - | 1.039.601.400 | 1.039.601.400 |
| - Công ty TNHH MTV Minh Thịnh Vượng | - | - | 1.011.037.500 | 1.011.037.500 |
| - Công ty CPSX và XNK Tổng hợp Hà Nam | - | - | 660.000.000 | 660.000.000 |
| - Công ty CP Sản xuất TM Đức Hùng | 485.974.500 | 485.974.500 | - | - |
| - Công ty TNHH TM và DV Gia Thịnh Phát | 406.744.800 | 406.744.800 | - | - |
| - Công ty TNHH XD và Vận tải Minh Hùng | 192.115.000 | 192.115.000 | - | - |
| - Công ty TNHH TM Tổng hợp Mỹ Phát | 204.817.140 | 204.817.140 | - | - |
| - Công ty TNHH MTV Ngân Tiến Thành | 393.000.000 | 393.000.000 | - | - |
| - Phải trả cho các đối tượng khác | 245.718.650 | 245.718.650 | 1.446.621.929 | 1.446.621.929 |
| b) Các khoản phải trả người bán dài hạn | | | | |
| c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán | | | | |
| d) Phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| - Công ty CPĐT TM Đại Nam Việt | - | - | 1.195.795.000 | 1.195.795.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| 5.11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC | Cuối năm | | Đầu năm | |
|--|-------------|-----------------------|---------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 493.301.000 | 493.301.000 | 2.806.947.470 | 2.806.947.470 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 | 378.301.000 | 378.301.000 | 378.301.000 | 378.301.000 |
| - Công ty TNHH Thanh Hòa Đại Dương | 115.000.000 | 115.000.000 | - | - |
| - Công ty CPTM VLXD Hamico | - | - | 673.646.470 | 673.646.470 |
| - Công ty TNHH Đầu tư XD và Vận tải Nhuận Hiền | - | - | 570.000.000 | 570.000.000 |
| - Công ty TNHH Oanh Vân | - | - | 470.000.000 | 470.000.000 |
| - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai | - | - | 600.000.000 | 600.000.000 |
| - Đối tượng khác | - | - | 115.000.000 | 115.000.000 |
| b) Người mua trả tiền trước dài hạn | | | | |
| c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan | | | | |

5.12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Cuối năm |
|----------------------|-------------|-----------------------|---------------------|-------------|
| a) Phải nộp | 227.698.805 | 388.387.433 | 264.795.242 | 351.290.996 |
| - Thuế TNDN | 227.698.805 | 385.387.433 | 261.795.242 | 351.290.996 |
| - Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| b) Phải thu | Đầu năm | Số phải thu trong năm | Số đã thu trong năm | Cuối năm |
| - Thuế GTGT nộp thừa | 11.021.550 | - | 11.021.550 | - |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---------------------------------|------------|------------|
| a) Ngắn hạn | 80.000.000 | 40.000.000 |
| - Trích trước chi phí kiểm toán | 80.000.000 | 40.000.000 |
| b) Dài hạn | - | - |
| Cộng | 80.000.000 | 40.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Từ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.14 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | TSCĐ khác | Cộng |
|-----------------------------------|--------------------------|---------------------|------------------------|--------------|----------------|
| I. Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 350.640.908 | 13.954.270.000 | 43.200.000 | 45.000.000 | 14.393.110.908 |
| Tăng trong năm | | | 991.869.091 | | 991.869.091 |
| - <i>Mua trong năm</i> | | | 991.869.091 | | 991.869.091 |
| Giảm trong năm | | 8.595.000.000 | | | 8.595.000.000 |
| - <i>Giảm khác</i> | | 8.595.000.000 | | | 8.595.000.000 |
| Số dư cuối năm | 350.640.908 | 5.359.270.000 | 1.035.069.091 | 45.000.000 | 6.789.979.999 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 284.878.416 | 4.432.227.841 | 21.309.677 | 39.798.387 | 4.778.214.321 |
| Tăng trong năm | 65.762.492 | 2.141.270.665 | 76.079.798 | 5.201.613 | 2.288.314.568 |
| - <i>Số khấu hao trong năm</i> | 65.762.492 | 2.141.270.665 | 76.079.798 | 5.201.613 | 2.288.314.568 |
| - <i>Tăng khác</i> | | | | | |
| Giảm trong năm | | 4.135.596.779 | | | 4.135.596.779 |
| - <i>Giảm khác</i> | | 4.135.596.779 | | | 4.135.596.779 |
| Số dư cuối năm | 350.640.908 | 2.437.901.727 | 97.389.475 | 45.000.000 | 2.930.932.110 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 65.762.492 | 9.522.042.159 | 21.890.323 | 5.201.613 | 9.614.896.587 |
| 2. Tại ngày cuối năm | | 2.921.368.273 | 937.679.616 | | 3.859.047.889 |

• Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 922.989.293 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.15 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | TSCĐ khác | Cộng |
|-----------------------------------|--------------------------|---------------------|------------------------|--------------|---------------|
| I. Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | | 4.378.899.999 | | | 4.378.899.999 |
| Tăng trong năm | | 1.700.988.364 | | | 1.700.988.364 |
| - Thuế tài chính trong năm | | 1.700.988.364 | | | 1.700.988.364 |
| Giảm trong năm | | | | | |
| - Giảm khác | | | | | |
| Số dư cuối năm | | 6.079.888.363 | | | 6.079.888.363 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | | 151.016.970 | | | 151.016.970 |
| Tăng trong năm | | 1.265.589.833 | | | 1.265.589.833 |
| - Số khấu hao trong năm | | 1.265.589.833 | | | 1.265.589.833 |
| - Tăng khác | | | | | |
| Giảm trong năm | | | | | |
| - Giảm khác | | | | | |
| Số dư cuối năm | | 1.416.606.803 | | | 1.416.606.803 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | | 4.227.883.029 | | | 4.227.883.029 |
| 2. Tại ngày cuối năm | | 4.663.281.560 | | | 4.663.281.560 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

| | Cuối năm | | Trong năm | | Đầu năm | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Vay ngắn hạn | 110.040.000 | 110.040.000 | 110.040.000 | 282.883.749 | 282.883.749 | 282.883.749 |
| - Ngân hàng TMCP Á Châu | - | - | - | 282.883.749 | 282.883.749 | 282.883.749 |
| - Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (1) | 110.040.000 | 110.040.000 | 110.040.000 | - | - | - |
| b) Vay dài hạn | 430.790.000 | 430.790.000 | 550.000.000 | 456.755.456 | 337.545.456 | 337.545.456 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | - | - | - | 337.545.456 | 337.545.456 | 337.545.456 |
| - Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (1) | 430.790.000 | 430.790.000 | 550.000.000 | 119.210.000 | 740.885.000 | 740.885.000 |
| c) Nợ thuế tài chính | 3.343.760.997 | 3.343.760.997 | 1.663.636.364 | 1.553.184.609 | 3.233.309.242 | 3.233.309.242 |
| Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội (2) | 408.761.000 | 408.761.000 | - | 332.124.000 | 740.885.000 | 740.885.000 |
| Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease (3) | 2.934.999.997 | 2.934.999.997 | 1.663.636.364 | 1.221.060.609 | 2.492.424.242 | 2.492.424.242 |
| Cộng | 3.884.590.997 | 3.884.590.997 | 2.323.676.364 | 2.292.823.814 | 3.853.738.447 | 3.853.738.447 |

d) Các khoản nợ thuế tài chính

| | Năm 2017 | | Năm 2016 | |
|--------------------|--------------------------------------|----------------------|---|-----------------------------|
| | Tổng khoản thanh toán thuế tài chính | Trả nợ gốc | Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính | Trả tiền lãi thuế tài chính |
| Từ 1 năm trở xuống | 1.834.669.527 | 1.527.636.609 | 309.015.899 | 77.149.596 |
| Từ 1 năm đến 5 năm | 307.032.918 | 1.527.636.609 | 309.015.899 | 231.866.303 |
| Trên 5 năm | 307.032.918 | 1.527.636.609 | 309.015.899 | 231.866.303 |
| Cộng | 1.834.669.527 | 1.527.636.609 | 309.015.899 | 77.149.596 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD3502017381 ngày 24/11/2017 ký với ngân hàng Bưu điện Liên Việt:

- Mục đích vay: Hoàn vốn tiền mua 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Honda, biển số 30E-811.56

- Thời hạn cho vay 5 năm kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay

(2) Là nợ thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số 03.0416/HĐCTTC-LT ngày 25/04/2016 ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - CN Hà Nội:

- Tài sản thuê: máy đào bánh xích Komatsu PC200-8N1

- Thời hạn thuê: 36 tháng

- Lãi suất: 9,9%/năm và được điều chỉnh trong thời hạn thuê thực tế

(3) Là nợ thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số B161207813 ngày 21/12/2016 ký với Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease - CN Hà Nội:

- Tài sản thuê: 2 máy xúc lật bánh lốp

- Thời hạn thuê: 48 tháng

- Lãi suất: 8,78%/năm và được điều chỉnh trong thời hạn thuê thực tế

(3) Là nợ thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số B161215513 ngày 12/01/2017 ký với Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease - CN Hà Nội:

- Tài sản thuê: 2 máy đào bánh xích

- Thời hạn thuê: 48 tháng

- Lãi suất: 8,78%/năm và được điều chỉnh trong thời hạn thuê thực tế

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Từ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

5.17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 68.000.000.000 | - | - | - | - | 5.245.423.917 | 73.245.423.917 |
| Tăng vốn năm trước | 3.000.000.000 | | | | | | 3.000.000.000 |
| Lãi trong năm trước | | | | | | 758.795.219 | 758.795.219 |
| Tăng khác | | | | | | 16.373.155 | 16.373.155 |
| Giảm vốn trong năm trước, | | | | | | | - |
| Lỗ trong năm trước | | | | | | | - |
| Giảm khác | | | | | | (3.069.323.760) | (3.069.323.760) |
| Số dư cuối năm trước | 71.000.000.000 | - | - | - | - | 2.951.268.531 | 73.951.268.531 |
| Tăng vốn trong năm nay | | | | | | | - |
| Lãi trong năm nay | | | | | | 886.386.800 | 886.386.800 |
| Tăng khác | | | | | | | - |
| Giảm vốn trong năm nay | | | | | | | - |
| Lỗ do hoàn nhập trong năm nay | | | | | | | - |
| Giảm khác | | | | | | | - |
| Số dư cuối năm | 71.000.000.000 | - | - | - | - | 3.837.655.331 | 74.837.655.331 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm 2017Mẫu số B 09 - DN
Đơn vị tính: VND

| b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | Tỷ lệ vốn góp | Cuối năm | Đầu năm |
|--|---------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 100% | 71.000.000.000 | 71.000.000.000 |
| Cộng | | 71.000.000.000 | 71.000.000.000 |
| c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận | | Năm nay | Năm trước |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | | |
| - Vốn góp đầu năm | | 71.000.000.000 | 68.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | | | 3.000.000.000 |
| - Vốn góp giảm trong năm | | | |
| - Vốn góp cuối năm | | 71.000.000.000 | 71.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | | - | - |
| d) Cổ phiếu | | Cuối năm | Đầu năm |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | 7.100.000 | 7.100.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | 7.100.000 | 7.100.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | | 7.100.000 | 7.100.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | | | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | 7.100.000 | 7.100.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | | 7.100.000 | 7.100.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | | |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | | 10.000 đồng | 10.000 đồng |
| e) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể. | | | |

5.18 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a) Doanh thu | 40.134.637.689 | 74.881.322.779 |
| - Doanh thu bán hàng hàng hóa | 28.482.225.600 | 67.125.442.175 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 11.652.412.089 | 7.755.880.604 |
| b) Doanh thu đối với các bên liên quan | - | 1.470.000.000 |
| + Công ty CP Thương mại và Đầu tư HP | - | 1.470.000.000 |
| Cộng | 40.134.637.689 | 74.881.322.779 |

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của hàng đã bán | 38.378.262.080 | 65.500.444.287 |
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán | 25.825.947.858 | 60.912.107.896 |
| - Giá vốn của hoạt động dịch vụ | 12.552.314.222 | 4.588.336.391 |
| Cộng | 38.378.262.080 | 65.500.444.287 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| 6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| Lãi tiền gửi, cho vay | 238.772.388 | 444.553.761 |
| Cộng | 238.772.388 | 444.553.761 |
| 6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | |
| Lãi tiền vay | 427.758.927 | 1.631.017.174 |
| Hoàn nhập chi phí dự phòng khoản đầu tư | - | (1.355.689.607) |
| Cộng | 427.758.927 | 275.327.567 |
| 6.6 . THU NHẬP KHÁC | | |
| - Thu nhập khác | - | 1.212.029 |
| Cộng | - | 1.212.029 |
| 6.7 . CHI PHÍ KHÁC | | |
| - Lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản | - | 1.036.099.137 |
| + Giá trị còn lại tài sản và chi phí thanh lý tài sản | - | 6.426.267.603 |
| + Thu nhập từ việc bán tài sản | - | 5.390.168.466 |
| - Chi phí khác | 56.504.207 | 219.789.807 |
| Cộng | 56.504.207 | 1.255.888.944 |
| 6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP | | |
| a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | 1.442.417.493 | 3.639.823.233 |
| Chi phí nhân viên | 393.052.812 | 117.000.000 |
| Chi phí trả trước, khấu hao tài sản cố định | 330.549.964 | 527.570.169 |
| Chi phí dự phòng | 652.958.401 | 462.272.975 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 65.856.316 | 2.532.980.089 |
| b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm | 297.680.637 | 3.669.110.514 |
| Chi phí nhân viên | 108.000.000 | 1.303.519.501 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 356.338.381 |
| Chi phí bán hàng khác | 189.680.637 | 2.009.252.632 |
| c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp | 1.466.891.063 | - |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | 1.466.891.063 | - |
| 6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ | | |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 14.601.435.327 | 2.712.351.740 |
| Chi phí nhân công | 1.019.902.812 | 1.420.519.501 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.553.904.402 | 3.386.016.069 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 290.210.317 | 2.661.848.198 |
| Chi phí dự phòng | 652.958.401 | - |
| Chi phí bằng tiền khác | 148.832.697 | 6.045.422.765 |
| Cộng | 20.267.243.956 | 16.226.158.273 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

| 6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.237.677.796 | 986.494.024 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế | 518.777.185 | 152.000.000 |
| + <i>Chi phí không được trừ</i> | 518.777.185 | 152.000.000 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế | - | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 1.756.454.981 | 1.138.494.024 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Thuế TNDN hiện hành | 351.290.996 | 227.698.805 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 886.386.800 | 758.795.219 |

6.11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty | 886.386.800 | 758.795.219 |
| Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu | 886.386.800 | 758.795.219 |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 7.100.000 | 6.833.425 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 125 | 111 |

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

| Năm nay |
|----------------|
| 550.000.000 |

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

| Năm nay |
|----------------|
| 629.599.205 |

8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

| Năm nay | Chỉ tiêu | Bán hàng hóa | Cung cấp dịch vụ | Hoạt động khác | TỔNG CỘNG |
|---|-----------------|---------------------|-------------------------|-----------------------|------------------|
| Doanh thu | | 28.482.225.600 | 11.652.412.089 | - | 40.134.637.689 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | | | | |
| Giá vốn | | 25.825.947.858 | 12.552.314.222 | | 38.378.262.080 |
| Lợi nhuận gộp | | 2.656.277.742 | (899.902.133) | - | 1.756.375.609 |
| Tổng giá trị còn lại của tài sản | | | | | 81.575.208.414 |
| Nợ phải trả | | | | | 6.737.553.083 |
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | | | | | 991.869.091 |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | | | | | 6.127.786.548 |
| <i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i> | | | | | - |
| Năm trước | Chỉ tiêu | Bán hàng hóa | Cung cấp dịch vụ | Hoạt động khác | TỔNG CỘNG |
| Doanh thu | | 67.125.442.175 | 7.755.880.604 | - | 74.881.322.779 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | | | | |
| Giá vốn | | 60.912.107.896 | 4.588.336.391 | | 65.500.444.287 |
| Lợi nhuận gộp | | 6.213.334.279 | 3.167.544.213 | - | 9.380.878.492 |
| Tổng giá trị còn lại của tài sản | | | | | 87.354.709.082 |
| Nợ phải trả | | | | | 13.403.440.551 |
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | | | | | 23.492.906.011 |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i> | | | | | 1.702.171.049 |
| <i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i> | | | | | - |

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (chính yếu)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Hà Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

8.6 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| Ngày 31/12/2017 | Dưới 1 năm | Từ 1 năm trở lên | Tổng cộng |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.489.397.499 | | 5.489.397.499 |
| Phải thu khách hàng | 3.862.824.615 | | 3.862.824.615 |
| Đầu tư | | 43.015.366.175 | 43.015.366.175 |
| Phải thu khác | 1.117.422 | 448.042.000 | 449.159.422 |
| Tài sản tài chính khác | 95.191.305 | - | 95.191.305 |
| Trừ: | 462.272.975 | 34.633.825 | 496.906.800 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 462.272.975 | | 462.272.975 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | | 34.633.825 | 34.633.825 |
| Tổng cộng | 8.986.257.866 | 43.428.774.350 | 52.415.032.217 |
| Các khoản vay và nợ | 110.040.000 | 3.774.550.997 | 3.884.590.997 |
| Phải trả người bán | 1.928.370.090 | | 1.928.370.090 |
| Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả | 80.000.000 | | 80.000.000 |
| Tổng cộng | 2.118.410.090 | 3.774.550.997 | 5.892.961.087 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 6.867.847.776 | 39.654.223.353 | 46.522.071.130 |
| Ngày 01/01/2017 | Dưới 1 năm | Từ 1 năm trở lên | Tổng cộng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.645.923.189 | | 5.645.923.189 |
| Phải thu khách hàng | 12.898.440.029 | | 12.898.440.029 |
| Đầu tư | | 11.500.000.000 | 11.500.000.000 |
| Phải thu khác | 442.600.000 | 330.922.000 | 773.522.000 |
| Tài sản tài chính khác | 192.622.931 | | 192.622.931 |
| Trừ: | 1.466.891.063 | - | 1.466.891.063 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 1.466.891.063 | | 1.466.891.063 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | | - | - |
| Tổng cộng | 17.712.695.086 | 11.830.922.000 | 29.543.617.086 |
| Các khoản vay và nợ | 282.883.749 | 3.570.854.698 | 3.853.738.447 |
| Phải trả người bán | 6.475.055.829 | | 6.475.055.829 |
| Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả | 40.000.000 | | 40.000.000 |
| Tổng cộng | 6.797.939.578 | 3.570.854.698 | 10.368.794.276 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 10.914.755.508 | 8.260.067.302 | 19.174.822.810 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | | Đơn vị tính: VND |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------|
| | 31/12/2017 | 01/01/2017 | 31/12/2017 | 01/01/2017 | |
| Tài sản tài chính | | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | 12.000.000.000 | - | - | 12.000.000.000 |
| Các khoản phải thu về cho vay | 3.843.151.640 | 11.874.148.966 | 3.843.151.640 | 11.874.148.966 | 11.874.148.966 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | | | | | |
| Tài sản tài chính khác | | | | | |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 5.489.397.499 | 5.645.923.189 | 5.489.397.499 | 5.645.923.189 | 5.645.923.189 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | | | | | |
| Tổng cộng | 9.332.549.139 | 29.520.072.155 | 9.332.549.139 | 29.520.072.155 | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | |
| Nợ phải trả tài chính | 3.884.590.997 | 3.853.738.447 | 3.884.590.997 | 3.853.738.447 | 3.853.738.447 |
| Vay và nợ | 1.928.370.090 | 6.475.055.829 | 1.928.370.090 | 6.475.055.829 | 6.475.055.829 |
| Phải trả người bán | | | | | |
| Phải trả khác | - | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 5.812.961.087 | 10.328.794.276 | 5.812.961.087 | 10.328.794.276 | |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

8.7 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|-------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Quản lý Môi trường Đô thị Kỳ Anh | Công ty đầu tư khác |
| Công ty Cổ phần chế biến Lâm sản THT | Công ty đầu tư khác |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HP | Công ty đầu tư khác |
| Ông Lại Xuân Hường | Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc |

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

| Bên liên quan | Giao dịch | Đơn vị tính: VND Giá trị |
|--|-------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HP | Thu tiền bán hàng | 664.748.000 |
| | Mua hàng | 5.699.622.500 |
| | Trả tiền mua hàng | 10.448.748.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt | Mua hàng | 5.277.800.000 |
| | Trả tiền mua hàng | 7.661.430.440 |
| | Góp vốn | 23.960.000.000 |

b) Thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Năm nay VND |
|------------------|---|-------------------|
| Trần Quang Huy | Giám đốc (Miễn nhiệm kể từ ngày 30.05/2017) | 33.000.000 |
| Lại Xuân Hường | Giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 30/05/2017) | 46.200.000 |
| Tổng cộng | | 79.200.000 |

8.8 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

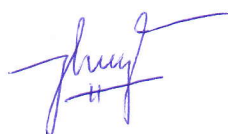
8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.10 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập



Lại Thị Thùy

Kế toán trưởng



Lại Thị Thùy

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Lại Xuân Hường